TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ	*Ng, ngày 21 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc "*Xin ly hôn và giải quyết về việc nuôi con chung*", giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1977;

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1981; Người giám hộ cho chị Lê Thị H: bà Lê Thị V - mẹ đẻ của chị Lê Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Ng, tỉnh K

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1977 và chị Lê Thị H, sinh năm 1982.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình T và chị Lê Thị H thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh Hoàng Đình T và chị Lê Thị H chấm dứt kể từ ngày ra quyết định (21/11/2024).

2.2. Về con chung: Anh Hoàng Đình T và chị Lê Thị H có 01 con chung tên là Hoàng Lê Thái T, sinh ngày 17/01/2009, khi ly hôn các bên đương sự thỏa thuận giao con chung cho anh Hoàng Đình T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ

18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Hiện nay, do chị Lê Thị H đang bị tai biến, không có khả năng lao động nên anh Hoàng Đình T tự nguyện cấp dưỡng cho chị Lê Thị H mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng). Thời gian anh T cấp dưỡng cho chị H bắt đầu từ tháng 11 năm 2024 (cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng) đến khi chị H khỏi bệnh tai biến và có khả năng lao động được. Hai bên đương sự thống nhất không tính lãi suất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a,b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Anh Hoàng Đình T và chị Lê Thị H mỗi người phải chịu 75.000 đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hoàng Đình T phải chịu 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí về cấp dưỡng cho chị Lê Thị H. Anh Hoàng Đình T tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lê Thị H. Như vậy, tổng số tiền án phí mà anh Hoàng Đình T phải nộp là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án mà anh T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002097 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K. Anh Hoàng Đình T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ng;
- TAND tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện Ni
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh